

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày 12-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Ngọc Thành

Nơi công tác: Trường Tiểu học Phú Thọ A, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Văn Sĩ

Nơi công tác: Trường Trung học cơ sở Tràm Chim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022, đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; tên gọi khác: Không có; nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Chỗ ở hiện nay: khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1936 (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946 (chết); có chồng Thông Minh T, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 11/LCĐKNCT, ngày 16/02/2022 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 07/9/2004; tên gọi khác: Không có; nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Chỗ ở hiện nay: khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1973; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 10/LCĐKNCT, ngày 16/02/2022 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người giám hộ cho bị cáo Phạm Văn T:*

Ông Ân Minh T – Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thị trấn T, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:*

Ông Đặng Quang T, Ủy viên chuyên trách Ban Thường vụ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện T là bào chữa viên nhân dân, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Thị V, sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Chỗ ở hiện nay: khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thị H sống chung như vợ chồng, cả hai đều nghiện ma túy, làm thuê và tạm trú tại phòng trọ nằm trong Cơ sở Massage T thuộc khóm U, thị trấn T. Khoảng 15 giờ ngày 18/01/2022, các bị cáo H và T cùng nhau bàn bạc, thống nhất mua ma túy với giá 300.000 đồng để cả hai cùng sử dụng. Sau khi bàn bạc thống nhất, bị cáo H trực tiếp gọi điện thoại cho người thanh niên tên P (không biết rõ họ tên, địa chỉ), bị cáo H biết P là do buổi sáng ngày 18/01/2022 P đến Massage, cho số điện thoại và lần đầu tiên bị cáo H điện thoại P hỏi mua ma túy (sau khi điện xong bị cáo H xóa số, không lưu số của P), bị cáo H hỏi mua ma túy với giá 300.000 đồng, P đồng ý bán và hẹn địa điểm giao dịch là bờ Kênh G (phía sau Cơ sở Massage M).

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo H và T cùng đi bộ từ phòng trọ qua cầu sắt bắc ngang Kênh G thuộc khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (phía sau Cơ sở Massage M) để nhận ma túy. Khi đến địa điểm hẹn, các bị cáo H và T gặp một thanh niên mang khẩu trang đi trên xe mô tô đến giao ma túy, bị cáo T là người trực tiếp nhận 01 túi nylon bên trong có chất ma túy, lấy 300.000 đồng trong bóp trả cho người thanh niên kia, rồi cất giấu vào bóp

tiền và để bóp tiền vào túi quần bên phải, phía trước, toàn bộ quá trình giao dịch mua ma túy bị cáo H đều có chứng kiến.

Sau đó các bị cáo H và T đi bộ trở về phòng trọ. Đến khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 18/01/2022, trong lúc cả hai bị cáo trên đường đi bộ về tới đường Võ Văn K, thuộc khóm U, thị trấn T (ngay Cơ sở Massage M), thì bị lực lượng Công an thị trấn T tiến hành kiểm tra trên người của bị cáo T phát hiện và thu giữ: 01 bóp, màu đen để bên trong túi quần sọt bên phải phía trước. Kiểm tra bên trong bóp có 01 túi nylon, màu trắng, được hàn kín, bên trong túi nylon có chứa nhiều hạt tinh thể rắn, màu trắng nghi vẫn là chất ma túy. Lực lượng Công an thị trấn T lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong túi nylon nêu trên, chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đưa đi giám định.

Tang vật thu giữ của bị cáo T gồm: 01 túi nylon hàn kín bên trong có chứa nhiều tinh thể gắn màu trắng; 01 bóp, màu đen; Tiền Việt Nam 2.050.000 đồng, đây là tiền của H và T dùng vào mục tiêu xài cá nhân, đã lấy ra 300.000 đồng mua ma túy, quá trình điều tra đã trao trả 2.050.000 đồng cho H.

Thu giữ của bị cáo H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 6, màu đen, có gắn sim số 0931084193 đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của bà Nguyễn Thị V (chị ruột bị cáo H), H mượn điện thoại của bà V để xem phim, V không biết H sử dụng điện thoại mua ma túy, kiểm tra điện thoại không lưu số điện thoại của P. Cơ quan điều tra đã trao trả điện thoại cho bà V.

Tại biên bản bắt quả tang, các bị cáo H và T thừa nhận tinh thể gắn màu trắng chứa trong 01 túi nylon thu giữ trong bóp tiền bị cáo T là chất ma túy, cả hai vừa mua về để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số: 64/KLGD ngày 20/01/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 túi nylon hàn kín được niêm phong trong cùng phong bì màu trắng thu giữ của các bị cáo T và H là chất ma túy có tổng khối lượng 0,224 gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 21/CT-VKSTN ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Thị H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H sống chung như vợ chồng với bị cáo Phạm Văn T là người chưa thành niên. Trong quá trình điều tra đã chuyển hồ sơ về địa phương xử lý theo thẩm quyền nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H, phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91, 98 và khoản 1 Điều 101; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Văn T, phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mức án từ 09 tháng đến 01 năm 01 tháng tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Thị H khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Phạm Văn T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người giám hộ của bị cáo Phạm Văn T, có ông Ân Minh T trình bày: Thống nhất theo lời khai bị cáo T và Cáo trạng của Viện kiểm sát, không có ý kiến khác. Không tham gia tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, có ông Đặng Quang T, là bào chữa viên nhân dân: Thống nhất theo nội dung bản cáo trạng và phát biểu luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là chưa thành niên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V trình bày: Vào ngày 18/01/2022 bị cáo H và T tàng trữ trái phép chất ma túy chị hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, trước đó bị cáo H có mượn điện thoại của chị để xem phim còn bị cáo H dùng điện thoại của chị liên lạc mua ma túy chị cũng hoàn toàn không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho chị nhận xong, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18/01/2022 của Công an thị trấn T; Kết luận giám định số: 64/KL-KTHS ngày 20/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; Bản tự khai ngày 16/02/2022 và ngày 30/3/2022 của bị cáo H, Tờ tự nhận ngày 18/01/2022 của bị cáo T; Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo H và T sống chung như vợ chồng đều nghiện ma túy, chiều ngày 18/01/2022 hai bị cáo cùng nhau bàn bạc, thống nhất mua ma túy về sử dụng chung. Bị cáo H trực tiếp gọi điện thoại cho P hỏi mua ma túy với giá 300.000 đồng, P đồng ý bán. Sau đó các bị cáo H và T cùng nhau đi bộ đến địa điểm hẹn tại bờ Kênh G thuộc khóm U, thị trấn T nhận ma túy, tại đây bị cáo T trực tiếp nhận ma túy, trả tiền, sau đó cất giấu vào bóp rồi để vào túi quần. Khi nhận ma túy xong hai bị cáo đi bộ về chỗ ở, trên đường đi về đến đường Võ Văn K, thuộc khóm U, thị trấn T thì bị lực lượng công an bắt quả tang thu giữ 01 túi nylon có chứa tinh thể rắn màu trắng theo Kết luận giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,224 gam, loại Methamphetamine. Mục đích các bị cáo mua ma túy tàng trữ để sử dụng.

Giữa các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm; không thuộc dạng phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, khi thống nhất ý chí thì cùng nhau thực hiện phạm tội chứ không có sự sắp xếp, phân công cụ thể, rõ ràng vai trò trước khi phạm tội. Trong vụ án này vai trò của các bị cáo như nhau, do các bị cáo có mối quan hệ thân thiết sống chung như vợ chồng và cùng nhau bàn bạc thống nhất mua ma túy về sử dụng chung.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/01/2022 hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,244gam, loại Methamphetamine đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự mà

Viện kiểm sát truy tố các bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Đối với bị cáo T khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi, mới 17 tuổi 04 tháng 11 ngày và nhận thức pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng mức hình phạt theo những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 91, 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, bị xã hội lên án. Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của ma túy gây hậu quả rất lớn đối với bản thân, gia đình và xã hội cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, các bị cáo biết rõ điều đó vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng hình phạt với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa,

Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Không áp dụng tình tiết tăng nặng: xúi dục người dưới 18 tuổi là bị cáo T phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, do các bị cáo có mối quan hệ thân thiết sống chung như vợ chồng và cùng nhau bàn bạc thống nhất mua ma túy về sử dụng chung là phù hợp.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo Hậu làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng. Bị cáo T là người chưa thành niên nên không áp dụng.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với Tiền Việt Nam 2.050.000đồng thu giữ của bị cáo T. Trong quá trình điều, Cơ quan điều tra xác định đây là tiền của các bị cáo H và T dùng vào mục tiêu xài cá nhân không liên quan đến tội phạm và đã trả lại xong nên không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 6, màu đen, có gắn sim số 0931084193 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo H. Trong quá trình điều, Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Hậu, do điện thoại của Nguyễn Thị V (chị ruột bị cáo H), bị cáo H mượn điện thoại của V để xem phim, V không biết bị cáo H sử dụng điện thoại liên lạc mua ma

túy, kiểm tra điện thoại không lưu số điện thoại của Phong nên Cơ quan điều tra đã trao trả điện thoại cho V xong nên không xem xét.

Đối với chất ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định, khối lượng 0,180 gam, được niêm phong trong phong bì ghi số: 48 ngày 18/01/2022, có đóng dấu tròn màu đỏ “Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp”; 01 bốp, màu đen. Xét thấy, vật chứng trên là chất ma túy cấm tàng trữ và không còn giá trị do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Đối với người thanh niên tên P bán ma túy cho các bị cáo H và T, không xác định được nhân thân, lý lịch nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, đề nghị Cơ quan điều tra - Công an huyện T tiếp tục xác minh làm rõ khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H sống chung như vợ chồng với bị cáo Phạm Văn T là người chưa thành niên. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ về địa phương xử lý nên không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17; Điều 91, 98 và khoản 1 Điều 101; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định, khối lượng 0,180 gam, được niêm phong trong phong bì ghi số: 48 ngày

18/01/2022, có đóng dấu tròn màu đỏ “Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp”; 01 (một) bốp, màu đen.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Người đại diện bị cáo T;
- Người bào chữa bị cáo T;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông